

Số: 79 /GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi
trường của dự án Đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần
Sợi Phú Bài;*

*Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Đầu tư nhà máy kéo sợi
30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại Văn bản số 2710/SPB –
QLDA ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Kèm
theo hồ sơ sau khi chỉnh sửa);*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh
tại Tờ trình số 2473/TTr-KKTCN ngày 27 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, địa chỉ tại khu công nghiệp Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư nhà máy kéo sợi 30.240 cọc sợi tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

1.2. Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô A-4-1, KCN Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 3101557847, chứng nhận lần đầu ngày 29/01/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 13/6/2019.

1.5. Mã số doanh nghiệp: 3300352720, đăng ký lần đầu ngày 14/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/5/2020.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất sợi

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 9.751m², dự án thuê lại đất của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng KCN;

- Công suất thiết kế: 5.700 tấn sợi/năm (tương đương 30.240 cọc sợi).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và đấu nối nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và PCT UBND tỉnh Phan Quý Phương;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Hương Thủy;
- Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài;
- Trang Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 79 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

Nguồn phát sinh bụi, khí thải: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (chủ yếu là bụi bông phát sinh ở hầu hết các công đoạn trong quá trình sản xuất, đặc biệt là các công đoạn đầu như đưa nguyên liệu bông thô vào sản xuất, đánh sợi, thối sợi, chải sợi)

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

Dòng bụi, khí thải từ hoạt động của dây chuyền sản xuất sợi sau khi được xử lý xả vào môi trường không khí.

2.1. Vị trí xả thải: tại miệng xả của 04 hệ thống lọc bụi trung tâm

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107, múi chiều 3⁰):

STT	Ống khói, ống thải	Vị trí xả thải	
		X(m)	Y(m)
1	Tại miệng xả bụi, khí thải sau khi được xử lý (lưu lượng 50.000m ³ /h)	1.812.505,99	574.211,12
2	Tại miệng xả bụi, khí thải sau khi được xử lý (lưu lượng 40.000m ³ /h)	1.812.496,59	574.211,73
3	Tại miệng xả bụi, khí thải sau khi được xử lý (lưu lượng 40.000m ³ /h)	1.812.458,73	574.213,86
4	Tại miệng xả bụi, khí thải sau khi được xử lý (lưu lượng 40.000m ³ /h)	1.812.449,90	574.214,75

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng 185.000 m³/h, trong đó:

- Tại hệ thống lọc bụi 1 với lưu lượng khoảng 50.000m³/h;
- Tại hệ thống lọc bụi 2 với lưu lượng khoảng 45.000m³/h;
- Tại hệ thống lọc bụi 3 với lưu lượng khoảng 45.000m³/h;
- Tại hệ thống lọc bụi 3 với lưu lượng khoảng 45.000m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong 1 ca làm việc (8 giờ).**2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường**

Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ giá trị C_{max}, cột B, hệ số K_p = 0,8; K_v=1,0).

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	6 tháng/lần; khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi khí thải

1.1. Hệ thống thu gom

Nguồn bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (chủ yếu là bụi bông phát sinh ở hầu hết các công đoạn trong quá trình sản xuất, đặc biệt là các công đoạn đầu như đưa nguyên liệu bông thô vào sản xuất, đánh sợi, thổi sợi, chải sợi) được thu gom bằng hệ thống hút bụi trên cao, loại dẫn động bằng chổi than, hệ thống hút xả trung tâm và hệ thống thông gió – lọc bụi (AC) trước khi xả ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a) Hệ thống hút bụi trên cao, loại dẫn động bằng chổi than

Trên các công đoạn sản xuất tại từng máy, Chủ dự án đã tiến hành bố trí các máy hút bụi di động chạy dọc trên mỗi dây chuyền sản xuất. Máy hút bụi gồm 01 miệng hút phía trên của dây chuyền và 2 tay hút ở hai bên sườn của dây chuyền sản xuất, trên 2 tay bố trí các ống hút ngang sườn sát với dây chuyền và ống hút sát sàn nhằm mục đích hút sạch các bụi bông, sợi vụn. Sau đó bụi bông, sợi vụn được hút tập trung về thùng chứa ở đầu mỗi dây chuyền và được ép kiện, quản lý theo chất thải rắn thông thường

b) Hệ thống điều không cho nhà xưởng (AC)

Chủ dự án đã bố trí các luồng gió dưới sàn nhà xưởng và hệ thống quạt hút bụi công suất lớn; bố trí các miệng gió trên trần nhà xưởng để cấp gió tươi vào bằng hệ thống quạt thổi và hệ thống phun sương làm mát; các hệ thống điều không của xưởng sợi được đặt 03 gian phụ trợ liền kề xưởng sản xuất.

c) Hệ thống lọc bụi trung tâm

Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống lọc bụi bông tại khu vực nhập nguyên liệu, dây bông, dây xơ, chải thô và chải kỹ. Bụi, các chất thải rắn lơ lửng trong Nhà xưởng sẽ đi qua hệ thống lọc bụi (đĩa lưới lọc quay có đường kính 2m) để loại bỏ các hạt bụi có kích thước lớn, các hạt bụi bông có kích thước lớn được các bơm tăng cường dẫn qua hệ thống Cyclon. Các hạt bụi này sẽ được lắng xuống buồng lắng, sau đó thu gom, xử lý; khí sau khi qua hệ thống cyclon được dẫn về hệ thống đĩa lưới lọc quay để tiếp tục xử lý bụi. Không khí sau khi qua hệ thống lọc tại đĩa lưới lọc quay sẽ dẫn đến hệ thống lọc bụi kiểu túi vải hình tổ ong. Thiết bị lọc túi vải được đặt phía sau thiết bị lọc cơ học để giữ lại những hạt bụi nhỏ mà quá trình lọc cơ học không giữ lại được. Các hạt bụi lắng ở hệ thống lọc bụi kiểu túi vải sẽ được các bơm tăng cường chuyển đến máy ép bụi để đóng

thành từng khuôn đi xử lý. Không khí sau khi qua hệ thống lọc sẽ thoát ra ngoài bằng miệng thải nhờ các quạt cưỡng bức.

Bụi sau khi qua hệ thống lọc bụi yêu cầu đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, giá trị Cmax, Kp= 0,8, Kv= 1).

Tổng công suất: 185.000 m³/giờ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 01/2024.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống lọc bụi trung tâm

Stt	Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu
1	Miệng xả 1 của hệ thống lọc bụi trung tâm	lưu lượng, áp suất, nhiệt độ và bụi tổng.	Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo)	Mẫu đơn
2	Miệng xả 2 của hệ thống lọc bụi trung tâm			
3	Miệng xả 3 của hệ thống lọc bụi trung tâm			
4	Miệng xả 4 của hệ thống lọc bụi trung tâm			

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo). Số đợt quan trắc: 03 đợt mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NÓI NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 79 /GPMT-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

Nước thải phát sinh được Chủ dự án thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Bài để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào môi trường.

Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Bài để xử lý trước khi xả thải vào môi trường. Vị trí xả nước thải vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Bài được xác định tại vị trí hố ga thuộc đường số 3 KCN Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NÓI NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động rửa tay chân, vệ sinh sàn được tách rác sơ bộ; nước thải từ các bồn xí, bồn tiêu được xử lý bằng bể tự hoại, ... Sau đó, các loại nước thải được thu gom bằng các ống nhựa u-PVC dẫn về hố ga, đấu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Xây dựng 01 bể tự hoại kích thước 6,6x4,5x1,35 (khoảng 40 m³), vị trí tại phía Đông nhà máy. Bể tự hoại có cấu tạo gồm 01 ngăn chứa, 01 ngăn lắng, 01 ngăn lọc và 01 ngăn chứa nước sau xử lý để dẫn thoát ra hệ thống thu gom của Nhà máy trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu công nghiệp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 3**NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 79 /GPMT-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Từ các hoạt động của dự án
2. **Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Trong phạm vi cơ sở sản xuất
3. **Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)**

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Để phòng ngừa, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, Chủ dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại khu vực sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.
- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Nhà máy để hạn chế tiếng ồn phát ra bên ngoài.
- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy hoạt động cùng một lúc để giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn.
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị rung công suất lớn.

- Các máy móc thiết bị rung lớn đều được lắp đặt trên nền bê tông phẳng và chắc chắn, bằng bê tông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A nêu trên.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 79 /GPMT-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các loại dầu thải có các thành phần nguy hại hữu cơ	Lỏng	90	19 12 02
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp khác	Lỏng	150	17 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	50	16 01 06
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	Rắn/lỏng	100	18 02 01
5	Các loại dầu thủy lực thải	Lỏng	200	17 01 07
	Tổng		590	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 110 kg/ngày, bao gồm các loại sợi không đạt quy cách khoảng 80 kg/ngày; ống côn giấy, bao bì thải,... khoảng 30 kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 20 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

CTNH được Công ty thu gom vào các thùng chứa có ký hiệu phân biệt theo các mã CTNH

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- CTNH được tập kết về khu vực kho chứa CTNH có diện tích khoảng 10 m², có tường bao quanh và mái che bằng tôn.

- Chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý (hiện tại Công ty đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama).

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được Chủ dự án thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa HPDE có dung tích 240 lít/thùng tại các khu vực như xưởng sản xuất, nhà văn phòng, dọc đường nội bộ,... để thu gom toàn bộ lượng rác thải phát sinh.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Chủ dự án đã bố trí xưởng tập kết rác bằng sắt loại 10m³ trong khuôn viên dự án để tập kết rác thải sinh hoạt.

- Chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý (hiện tại Công ty đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế)

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ dự án đã bố trí các thùng chứa chất thải rắn thông thường tại các dây chuyền sản xuất để thu gom bông sợi trên sàn nhà xưởng (hiện tại, Chủ dự án đã bố trí khoảng 36 thùng nhựa loại 50 lít/thùng); bụi bông thu hồi từ hệ thống lọc bụi bông được Chủ dự án tập kết tại thùng chứa kín lưu giữ tại kho, được tận dụng bán lại cho các cơ sở tái chế xơ, bông làm gối, chăn, nệm, thú nhồi bông,... (Công ty đang Hợp đồng với Công ty Cổ phần Sản xuất Sợi Phú An)

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chủ dự án bố trí nhà kho để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường; bụi bông được tận dụng bán lại cho các cơ sở tái chế xơ, bông làm gối, chăn, nệm, thú nhồi bông,... (Chủ dự án đang Hợp đồng với Công ty CP sản xuất Sợi Phú An)

Đối với vòng đai, ống sợi hồng, bao bì thải,... được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý (Chủ dự án đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: Dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế chấp thuận kết quả nghiệm thu PCCC tại Văn bản số 271/NT-PCCC ngày 10/12/2021. Chủ dự án phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức tập huấn cho công nhân lao động về kiến thức và thực hành về công tác phòng, chống cháy nổ tại chỗ cho Dự án.

- Sự cố hư hỏng máy móc thiết bị: Chủ dự án định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị; trường hợp phát hiện hư hỏng dừng ngay hoạt động sản xuất khi có sự cố để sửa chữa thiết bị.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 79 /GPMT-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi dự án.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình hoạt động, nếu chủ dự án có đề xuất điều chỉnh chương trình quan trắc định kỳ đối với khí thải đã được cấp phép, phải có văn bản báo cáo và được chấp thuận của cơ quan cấp phép môi trường trước khi thực hiện.
7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường./.